

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2024

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Chiến – Giáo viên

Bà Dương Thị Thu Hồng – Chủ tịch Hội phụ nữ xã Cẩm Ninh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST - HNGĐ ngày 27/3/2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST – HNGĐ ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976

ĐKKHKT: Khu 4 thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: PT, TP, AT, Hưng Yên

- Bị đơn : Chị Ngô Thị Thu Th, sinh năm 1980

Trú tại: PT, TP, AT, Hưng Yên

- Người có QLVN liên quan: Cháu Nguyễn Đ A, sinh năm 2020

Người đại diện hợp pháp của cháu: Chị Th – mẹ đẻ của cháu

Anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 và lời khai của anh Th trình bày: Ngày 01/4/2019, anh và chị Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, anh về ngay gia đình nhà chị Th chung sống. Vợ chồng có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, sinh được 01 con. Đến tháng 6 năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đến tháng 10/2022 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng

ngoài nguyên nhân không hợp nhau, mà còn vì chị Th sống ích kỷ, khi anh không ở nhà cùng thì chị Th mắng, đánh cháu. Đến tháng 11/2022 anh và con riêng dọn ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

- Về con chung: Có 01 con chung, là cháu Nguyễn Đ A, sinh ngày 29/6/2020. Hiện nay cháu Đ A đang ở với chị Th.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Chị Ngô Thị Thu Th trình bày: Anh chị quen biết nhau qua người giới thiệu, có tìm hiểu nhau khoảng 2 tháng thì tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc vào năm 2019. Sau khi cưới chị và anh Th chung sống với mẹ chị tại Phúc Tá, Tân Phúc. Đến cuối năm 2022, anh Th tự dọn ra ngoài ở với lý do anh Th ngoại tình, chị có bảo anh Th về nhưng anh Th không về. Nay anh Th xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn

- Về con chung: Có 01 con chung, là cháu Nguyễn Đ A, sinh ngày 29/6/2020. Hiện nay cháu Đ A đang ở với chị Th, nay ly hôn chị Th xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Bà Ngô Thị Nguyên (mẹ đẻ của chị Th) trình bày: Vợ chồng chị Th, anh Th tự tìm hiểu nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc vào năm 2019. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bà tại Phúc Tá, Tân Phúc. Vợ chồng chung sống bình thường và có với nhau 01 con chung. Đến tháng 5/2022 anh chị mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vì vậy anh Th cùng con riêng dọn ra ngoài thuê nhà ở. Bà không hòa giải được anh chị vì việc anh chị chung sống với nhau được hay không là quyền của anh Th, chị Th.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Đ A, sinh năm 2020.

- Về tài sản chung: Không có

Tại biên bản xác minh với UBND xã Tân Phúc: Vợ chồng anh Th, chị Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc ngày 01/4/2019. Vợ chồng anh Th, chị Th chung sống cùng với bà Nguyên. Quá trình chung sống anh Th, chị Th có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được

- Về con chung: Có 01 con chung, là cháu Nguyễn Đ A sinh ngày 29/6/2020.

- Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Chị Th, cháu Đ A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại PT, TP, AT, Hưng Yên

Tại phiên tòa ngày 17/5/2024: Anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 28/5/2024: Anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

- + Về chấp hành pháp luật tố tụng:
 - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.
 - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.
 - Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:
 - Nguyên đơn; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 78 BLTTDS.
 - Bị đơn đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.
- + Về đường lối giải quyết:
 - Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí.
- Đề nghị Hội đồng xét xử:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Th. Xử cho anh Th được ly hôn chị Th
 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đ A, sinh năm 2020 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.
- + Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị Th, anh Th không yêu cầu Tòa giải quyết.
- + Anh Th phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th, chị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/4/2019. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Th, chị Th là hợp pháp. Nay anh Th có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị Th có ĐKKHKT và hiện đang sinh sống tại PT, TP, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh Th xác định tháng 6 năm 2022 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, được gia đình hòa giải nên vợ chồng về tiếp tục chung sống, nhưng đến tháng 10/2022, vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn do chị Th là người sống ích kỷ, chỉ biết lo cho bản thân, không quan tâm đến cảm xúc của anh và nhiều lần đánh, mắng, không cho con riêng của anh vào nhà, theo chị Th nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Th có quan hệ ngoại tình. Do mâu thuẫn, anh Th, chị Th xác định tháng 11/2022 anh Th và cháu Ngọc đã dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó không ai quan tâm tới ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Th, chị Th đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh Th kiên quyết xin ly hôn, chị Th đều vắng mặt, qua lời khai chị Th không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp và kế hoạch nào cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua lời khai của đương sự và qua xác minh, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của anh Th là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho anh Th được ly hôn chị Th để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Th, chị Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Đ A, sinh ngày 29/6/2020. Hiện cháu Đ A đang ở với chị Th. Quá trình giải quyết vụ án chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, anh Th đồng ý, xét thấy nguyện vọng của chị Th là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Bản thân anh Th đang phải đi thuê nhà và nuôi con riêng là cháu Ngọc. Còn chị Th có thu nhập cao hơn anh Th, có chỗ ở ổn định và được sự hỗ trợ của mẹ đẻ là bà Nguyễn trong việc chăm con lúc chị đi làm; Hơn nữa, cháu Anh còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung, nên giao cháu Anh cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện

của chị Th về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Th, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Ngô Thị Thu Th

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đ A, sinh ngày 29/6/2020 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th . Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0000773 ngày 27 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh Th đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th, anh Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-Phòng GDKT;

-VKSND + THADS huyện;

-Đương sự;

-UBND xã Tân Phúc, Ân Thi, Hưng Yên;

-Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

